

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

# ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KIẾN TRÚC

Sinh viên : PHÙNG KIM KHÁNH

Giảng viên hướng dẫn: Ths.KTS. NGUYỄN THẾ DUY

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

## **BẢO TÀNG VĂN HÓA BIỂN**

**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP**

**Sinh viên : PHÙNG KIM KHÁNH  
Giảng viên hướng dẫn: Ths.KTS. NGUYỄN THẾ DUY**

**HẢI PHÒNG – 2020**

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: **PHÙNG KIM KHÁNH** Mã SV: 1212109079

Lớp : XD1601K

Ngành : KIẾN TRÚC

Tên đề tài: BẢO TÀNG VĂN HÓA BIỂN

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

### 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Công trình phải đảm bảo nhu cầu về tìm hiểu kiến thức, tra cứu thông tin, rèn luyện thể chất, âm nhạc, hội họa... của người dân thành phố Hải Phòng, tạo nên một nơi lý tưởng để mọi người đến để tra cứu thông tin, tham gia các hoạt động đó một cách thoải mái và tiện lợi, nhằm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ ngày càng cao của xã hội, sự bùng nổ thông tin và hội nhập quốc tế.
- Công trình phải đảm bảo tính bền vững, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.
- Công trình phải đảm bảo về mặt thẩm mỹ.
- Công trình phải đảm bảo yêu cầu trước mắt và khả năng phát triển lâu dài.
- Công trình thiết kế phải có vị trí và hình thức thu hút điểm nhìn, đảm bảo tầm nhìn từ trên không và từ dưới đất.

### 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

TCXDVN\_4455-1987 - Tiêu chuẩn bản vẽ xây dựng Việt Nam  
TCXDVN\_276-2003 - Công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế  
TCXDVN\_6160-1996 - Tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy nhà cao tầng  
TCXDVN\_293-2003 - Chống nóng nhà ở - Chỉ dẫn thiết kế  
TCXDVN\_333-2005 - Chiếu sáng nhân tạo công trình công cộng  
TCXDVN\_306-2004 - Các thông số vi khí hậu trong nhà công cộng  
TCXDVN\_175-2005 - Tiêu chuẩn mức ồn tối đa trong công trình công cộng

Địa điểm thực tập tốt nghiệp

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên** : NGUYỄN THẾ DUY

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ, Kiến trúc sư

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày ..... tháng .... năm 20...

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày ..... tháng .... năm 20...

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 20....*

**HIỆU TRƯỞNG**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: .....

Đơn vị công tác: .....

Họ và tên sinh viên: ..... Chuyên ngành: .....

Đề tài tốt nghiệp: .....

Nội dung hướng dẫn: .....

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.**

**T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

.....  
.....  
.....  
.....

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên hướng dẫn**

# MỤC LỤC

## LỜI CẢM ƠN

### **PHẦN I : PHẦN MỞ ĐẦU**

#### **1.1 Giới thiệu chung**

1.1.1. Khái quát về biển việt nam

1.1.2. Lịch sử , Văn hóa

#### **1.2 Lí do chọn đề tài**

1.2.1. Ý nghĩa của đề án

### **PHẦN II : NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**

#### **2.1 Vị trí địa lí, phân tích đánh giá khu đất**

#### **2.2 Cơ sở khoa học**

#### **2.3 Nội dung nghiên cứu công trình**

2.3.1 Chức năng sử dụng công trình

2.3.2 Giải pháp kiến trúc

2.3.3 Đối tượng và giới hạn nghiên cứu

#### **2.4 Nhiệm vụ thiết kế và các phương án thiết kế công trình**

2.4.1 Nhiệm vụ thiết kế

### **PHẦN III : KẾT LUẬN**

# LỜI CẢM ƠN

Việt nam với bờ biển dài 3260km,kéo dài từ Móng Cái đến Hà tiên ,có 28 tỉnh thành giáp biển ,trên 3000 hòn đảo lớn nhỏ có tổng diện tích khoảng 1.630km<sup>2</sup> với hệ thống biển đảo như vậy,Việt Nam mang trong mình nhiều nguồn lợi về tài nguyên thủy sản ,tài nguyên khoáng sản cũng như lợi thế để phát triển kinh tế cảng biển,vận tải biển và du lịch.Việt nam còn có một nền văn hóa biển phong phú. Điều đó được thể hiện thông qua đề án tốt nghiệp **“Bảo Tàng Văn Hóa Biển”**.

Được sự dạy dỗ, chỉ bảo và giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô giáo trong những năm học tập, tự bản thân tìm hiểu học hỏi qua các tài liệu cùng sự say mê với kiến trúc, chúng em đã thực hiện đề án này với hy vọng gửi gắm vào đó một ý tưởng kiến trúc của mình.

Có lẽ sẽ còn nhiều bỡ ngỡ với công việc thực tế trước mắt, tuy nhiên trong quá trình học tập những kiến thức thu thập được là nguồn năng lượng chính yếu tiếp sức và thúc đẩy cho công tác và học tập sau này.

Chúng em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô đã hướng dẫn, rèn luyện cho em trong năm năm qua. Đặc biệt quý thầy đã hướng dẫn, chỉ đạo cho em trong suốt quá trình làm đề án tốt nghiệp này:

**TS.KTS.NGUYỄN THẾ DUY** – giáo viên hướng dẫn

Và các thầy cô đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ em hoàn thành tốt đề án tốt nghiệp với đề tài : Bảo tàng văn hóa biển.

*Hải Phòng, tháng năm 2020*

## **PHẦN I: PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1.1 Giới thiệu chung**

#### **1.1.1 Khái quát về biển Việt Nam**

Việt Nam với bờ biển dài 3.260km, kéo dài từ Móng Cái đến Hà Tiên, có 28 tỉnh thành giáp biển, trên 3.000 hòn đảo lớn nhỏ có tổng diện tích khoảng 1.630km<sup>2</sup>. Với hệ thống biển đảo như vậy, Việt Nam mang trong mình nhiều nguồn lợi về tài nguyên thủy sản, tài nguyên khoáng sản, cũng như lợi thế để phát triển kinh tế cảng biển, vận tải biển và du lịch biển.

#### **1.1.2 Lịch sử, văn hoá biển**

Bên cạnh những tiềm năng kinh tế, chúng ta còn có một nền văn hóa biển hết sức phong phú, đa dạng và đầy sức hấp dẫn. Đó là những nền văn hóa khảo cổ, phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, ẩm thực, ngành nghề truyền thống, kho tàng văn học dân gian, nghệ thuật diễn xướng, tri thức dân gian... liên quan đến biển. Về văn hóa khảo cổ, sau văn hóa Hòa Bình, các nhà khảo cổ học nước ta đã phát hiện được các di chỉ khảo cổ nằm dọc bờ biển và hải đảo. Đó là các nền văn hóa: Hạ Long (Quảng Ninh), Tràng Kênh (Hải Phòng), Hoa Lộc (Thanh Hóa), Quỳnh Văn (Nghệ An), Bàu Tró (Quảng Bình), Bàu Dũ (Quảng Nam), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Vĩnh Yên, Xóm Cồn, Hòa Diêm (Khánh Hòa)... Căn cứ vào những di chỉ khảo cổ này, cho thấy những cư dân ven biển và hải đảo nước ta, cách đây hàng vạn năm đã thích ứng với môi trường biển và hướng những hoạt động khai thác của mình vào các tài nguyên biển. Đồng thời, họ cũng có mối quan hệ giao lưu văn hóa mạnh mẽ với các nước ở khu vực Đông Nam Á và châu lục thông qua những con đường thương mại trên biển. Ở các vùng miền ven biển nước ta, ngư dân có những tục lệ về kiêng kỵ liên quan đến việc đánh bắt trên biển. Nó phản ánh tâm thức, quan niệm của ngư dân trong việc hành nghề, thái độ ứng xử với các nhóm, giới trong một cộng đồng. Lễ hội miền biển cũng hết sức phong phú, gắn kết với những cộng đồng cư dân biển. Từ những lễ hội chọi trâu của Đồ Sơn (Hải Phòng) gắn với nghi thức thờ Bà Đệ, vị nữ thần biển, dấu vết của tục hiến sinh cho thủy thần; lễ hội làng Quan Lạn (Vân Đồn, Quảng Ninh), tái hiện lại trận đánh với quân Nguyên dưới sự chỉ huy của tướng Trần Khánh Dư; lễ hội đền Cờn (Quỳnh Lưu, Nghệ An) qua sự tích Tống Phi; cho đến các lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Lý Sơn, Quảng Ngãi), lễ hội đầm Ô Loan (Phú Yên), lễ hội Dinh Cô (Long Hải, Bà Rịa - Vũng Tàu), lễ cúng phước biển ở Vĩnh Châu (Sóc Trăng) của đồng bào Khmer, lễ hội Dinh Cậu (Phú Quốc, Kiên Giang)... Nhiều địa phương ven biển có tổ chức lễ hội đua thuyền như ở Nhượng Bạt (Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh); Làng Hà (Bảo Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình) thờ cá voi (dân gian gọi là Ông) có tổ chức hội cầu mùa (hội xuống biển) và hội tháng bảy; Làng Thai Dương Hạ (Thuận An, Phú Vang, Thừa Thiên Huế) tổ chức “trò bùa lưới” vào ngày 12 tháng Giêng âm lịch, nhằm tưởng nhớ Trương Quý Công (Trương Thiệu), một người gốc Bắc khi vào đây đã dạy cho dân nghề đánh cá và buôn ghe mành. Sau trò trình nghề bùa lưới có tục đua trái; lễ hội đua thuyền trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) diễn ra từ mùng 4 đến mùng 7 tháng Giêng âm lịch. Nổi bật trong đó là lễ cúng cá Ông của cộng đồng ngư dân kéo thành một vệt dài từ Thanh Hóa vào đến tận Kiên Giang, biểu

hiện sinh động của sự giao thoa văn hóa Việt - Chăm. Đây được xem là tín ngưỡng chủ đạo của dân đánh cá miền Trung và Nam bộ, thể hiện sự tri ân vị thần bảo hộ nghề đánh bắt, hướng đến đạo lý uống nước nhớ nguồn. Nó tích hợp trong mình những tín lý, nghi lễ, điện thần, di tích, diễn xướng... với những giá trị hết sức nhân văn, được xem như một “bảo tàng” văn hóa dân gian sống động. Tín ngưỡng dân gian biển Việt Nam lại là một bức tranh đa sắc màu, có sự giao thoa giữa các tôn giáo, tộc người, nền văn hóa khác nhau: Mẫu Thoải, Bà Giàng Lạch, thần Độc Cước, Cô hồn biển, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Tứ Vị Thánh Nương, Quan Âm, Thiên Y A Na, Bà Chúa Hòn, Nam Hải Đại Vương... Trong một bản văn tế ở Quảng Nam đã có mặt đến 26 vị thần biển. Sở hữu một bờ biển dài với những ngư trường nhiều tiềm năng, ẩm thực miền biển cũng là một nét văn hóa độc đáo trong nền ẩm thực Việt. Không chỉ những đặc sản quý hiếm như sá sùng Quan Lạn (Quảng Ninh), tu hài Cát Bà (Hải Phòng), tôm Huỳnh Đế (Quảng Ngãi), sò huyết Ô Loan, ghe Sông Cầu (Phú Yên), ốc vú nàng Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu), đồn đột (hải sâm) Phú Quốc (Kiên Giang)... mà còn nhiều món ăn dân gian khác đã đi vào cơ cấu bữa ăn của người dân vùng biển. Cá úc, cá vồ kho sả nghệ; cá com, cá trích kho đường; hay cá mai, cá liệt kho mỡ ớt ở Phú Quốc (Kiên Giang) là những món ăn mà một lần nếm là nhớ suốt đời. Người dân làng biển Cảnh Dương (Quảng Bình) có nhiều kiểu ăn cá: cá kho mặn, cá nấu chua, cá nấu lác (nấu ngọt, không mặn không lạt), cá kho bở, cá một lửa, cá kho khô, cá hấp, cá chiên, cá nướng, cá luộc, cá ăn gói, cá quét chả, cá giả cây, cá băm viên... Chỉ riêng một gia vị hết sức bình dân được khai thác từ biển là muối mà các nghệ nhân cung đình Huế đã chế biến ra hàng chục món muối: muối rang, muối hầm, muối tiêu, muối tiêu chanh, muối ớt, muối sả, muối ruốc sả ớt, muối sả thịt, muối khế, muối thịt, muối riêng, muối gừng, muối khuyết, muối đậu phụng, muối mè, muối dầu lai... với cách chế biến rất cầu kỳ, mang đúng phong cách ẩm thực của đất thần kinh. Thật khó có thể thống kê hết các ngành nghề liên quan đến đánh bắt của ngư dân suốt dọc ven biển đất nước. Qua thời gian, những cư dân ven biển và hải đảo đã biết thích ứng với việc khai thác biển thông qua việc sáng tạo ra những ngành nghề liên quan đến biển nhằm phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng. Đó là các nghề làm muối ở Quang Lang (Thái Bình), Quỳnh Lưu, Diễn Châu (Nghệ An), Hộ Độ (Hà Tĩnh), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Tuyết Diêm (Phú Yên), Hòn Khói (Khánh Hòa), Cà Ná (Ninh Thuận), Bà Rịa, Bạc Liêu... Nhiều địa phương có nghề sản xuất nước mắm nổi tiếng như Cát Hải, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Phú Yên, Nha Trang, Phan Thiết, Phú Quốc... cung cấp cho thị trường cả trong và ngoài nước. Trong đó, nước mắm Phan Thiết và nước mắm Phú Quốc là những thương hiệu danh tiếng. Chế biến khô, làm mắm là phương thức lưu giữ hải sản lâu dài mà hầu như cư dân vùng biển nào cũng biết. Món mắm tôm chà, đặc sản của vùng biển Gò Công (Tiền Giang) làm Thái hậu Từ Dũ cứ nhớ mãi khôn nguôi khi về ở đất thần kinh, nên đã trở thành món tiên dâng cho hoàng cung. Nghề khai thác yến sào ở Cù Lao Chàm (Quảng Nam) và Nha Trang (Khánh Hòa) mang lại nguồn lợi kinh tế rất lớn cho đất nước. Yến sào làng Thanh Châu (Cù Lao Chàm) được khai thác từ thế kỷ XVII, nơi đây có ngôi miếu thờ vị tổ nghề yến với bức hoành phi ghi năm 1843. Ở Nha Trang, hiện vẫn duy trì việc thờ cúng Bà Chúa đảo yến với lễ giỗ hàng năm, hình thành nên một “văn hóa yến sào” ở Khánh Hòa. Đây là những hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo, cần được nghiên cứu và bảo tồn. Việc sử dụng ngư cụ của ngư dân ta cũng rất phong phú và đa



dạng. Nơi vùng biển địa đầu của Tổ quốc, khu vực Trà Cổ (Quảng Ninh) thường dùng các loại lưới: lưới vét (lưới kéo), lưới bén, lưới cá đục, lưới tôm he, lưới cá thu, lưới sứa. Đồ Sơn có các loại ngư cụ đánh bắt như: nếu trong lộng, tức biển ven bờ thì có đáy, te, rùng (lưới cá), bóng; ngoài khơi thì có lưới giã, lưới rút, lưới rê, lưới sủ, lưới chống; hình thức câu biển khơi có câu vệt, câu dăng, câu rã... Ngư cụ ở Quảng Nam lại phong phú với: xăm, giã ruốc, giã cào, mảnh chột, mảnh mở, lưới quát, lưới cản, nghề khơi (lưới chuồn), lò mực, câu ông, câu giàn. Trong công trình dân tộc học khảo cứu về ghe thuyền, Voilliers d'Indochine (Thuyền buồm Đông Dương), Pietri đã ghi nhận hàng chục loại ghe thuyền của Việt Nam, suốt dọc biển từ Trà Cổ đến Hà Tiên: ghe tam bản Móng Cái, ghe lưới Hạ Long, ghe bè Thanh Hóa, ghe bè Hà Tĩnh, ghe mảnh Cửa Lò, ghe câu Cửa Lò, ghe giã Cửa Lò, ghe câu Quảng Bình, ghe bè Quảng Trị, ghe câu Cửa Việt, ghe nóc Thuận An, ghe nóc Cầu Hai, ghe nang Đà Nẵng, ghe mảnh Đà Nẵng, ghe bầu Quảng Nam, ghe bầu Quảng Ngãi, ghe giã Quy Nhơn, ghe song vành Quy Nhơn, ghe giã Bình Định, ghe nang Tam Quan, ghe lưới song Nha Trang, ghe bầu Phan Rang, ghe câu Bình Thuận, ghe bầu Mũi Né, ghe lưới rùng Phước Hải, ghe cửa Mekong, ghe câu Phú Quốc... Chỉ chừng ấy thôi, chúng ta đã có thể thành lập một bảo tàng ghe thuyền truyền thống có hạng trên thế giới với sự đa dạng, phong phú về chủng loại. Hình ảnh chiếc ghe bầu Nam Trung bộ đã trở thành “biểu tượng” cho nghề buôn cận duyên suốt mấy thế kỷ. Ghe bầu còn là phương tiện góp phần vào việc chuyển tải những giá trị văn hóa giữa các vùng miền trong cả nước. Qua đó, cho thấy cả một “dòng văn hóa ghe bầu” dịch chuyển từ Trung bộ vào đến Nam bộ trong dòng chảy lịch sử văn hóa Việt Nam trên cả hai phương diện, văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Kho tàng văn học dân gian miền biển thật phong phú, thể hiện quá trình chinh phục, tâm thế ứng xử của con người trước biển cả. Trong kho tàng ấy có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ, hò vè phản ánh quá trình lao động, mô tả thời tiết, ca ngợi tình cảm, sự giàu có của biển cả. Chúng ta có những truyền thuyết, sự tích về Lạc Long Quân - Âu Cơ, Sơn Tinh - Thủy Tinh, An Dương Vương, Mai An Tiêm, ông Khổng Lồ, vịnh Hạ Long, hòn Vọng Phu... mà ở đó dấu vết văn hóa biển biểu hiện rất rõ nét, phản ánh quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Về Các lái là những sáng tác dân gian của dân ghe bầu bằng thể thơ lục bát trên con đường thông thương Bắc - Nam. Đây thực sự là những cảm nang đường biển, như một bức hải đồ qua bài “Nhật trình đi biển” này, giúp họ an toàn trên những chuyến đi xa, tránh được bãi đá ngầm, luồng lạch không an toàn, đồng thời ngâm nga để giải khuây lúc đi buôn đường dài. Nghiên cứu những bài vè này sẽ mang đến nhiều dữ kiện phản ánh phương thức hoạt động của thương thuyền Việt Nam trên biển miền Trung từ thế kỷ XVII đến năm 1945. Nghệ thuật diễn xướng miền biển cũng không kém phần đặc sắc với các loại hình như hát đúm Hải Phòng, hò hụi, hò chèo cạn, hát hò hát hó (Bắc Trung bộ), hát xà - hát mộc (Vạn Ninh, Khánh Hòa), hát bả trạo, múa siêu Khánh Hội (Ninh Thuận), hát sắc bùa, hò khoan (Nam Trung bộ)... Tri thức về môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên, tri thức về sản xuất là những kinh nghiệm sống không thể thiếu được ở các vùng biển. Ngư dân có thể nói là những người nắm rất vững những quy luật về luồng cá, thời tiết, thủy triều, sóng, gió, lưới... Tháng Tám nước sa, tháng Ba nước dậy. Đi ra Nam Tào, đi vào Bắc Đẩu (kinh nghiệm ra khơi vào lộng), Tới trời ngời của Việt Nam. Trong số 138 bảo tàng trong cả nước, hiện không có bảo tàng văn hóa biển. Với chức năng bảo tồn, lưu giữ và

phát huy các giá trị văn hóa vật thể cũng như phi vật thể, bảo tàng văn hóa biển sẽ đem đến cho công chúng, các nhà nghiên cứu những giá trị văn hóa do cộng đồng cư dân biển bao đời nay đã sáng tạo, giữ gìn và phát huy qua những trường kỳ lịch sử. Và đây cũng sẽ là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá văn hóa biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Đà Nẵng, Nha Trang là những thành phố hội tụ đầy đủ các điều kiện để thành lập một bảo tàng như thế. Trước mắt, có thể khởi động từ việc xã hội hóa bảo tàng, tức hình thức bảo tàng tư nhân, trong khi chờ Chính phủ phê duyệt kế hoạch quy hoạch lại mạng lưới bảo tàng ở Việt Nam sau năm 2020. Hơn nữa, trong tương lai gần, chúng ta cũng cần tính tới việc thành lập một viện nghiên cứu văn hóa biển. Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, “thế yếu” của chúng ta lâu nay.

## **1.2. Lí do chọn đề tài**

### **1.2.1 Ý NGHĨA CỦA ĐỒ ÁN**

-Lâu nay chúng ta chỉ quan tâm nhiều đến việc khai thác các nguồn lợi từ biển mà ít chú ý đến xây dựng văn hóa biển. Đất nước thiếu hụt hẳn một truyền thống văn hóa biển đại dương, với những tri thức, ứng xử, tâm thế hướng biển. Điều đó làm hạn chế rất nhiều việc vươn ra đại dương hội nhập với thế giới của Việt Nam. Trong số 138 bảo tàng trong cả nước, hiện không có bảo tàng văn hóa biển. Với chức năng bảo tồn, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể cũng như phi vật thể, bảo tàng văn hóa biển sẽ đem đến cho công chúng, các nhà nghiên cứu những giá trị văn hóa do cộng đồng cư dân biển bao đời nay đã sáng tạo, giữ gìn và phát huy qua những trường kỳ lịch sử. Và đây cũng sẽ là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá văn hóa biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Đà Nẵng, Nha Trang là những thành phố hội tụ đầy đủ các điều kiện để thành lập một bảo tàng như thế. Trước mắt, có thể khởi động từ việc xã hội hóa bảo tàng, tức hình thức bảo tàng tư nhân, trong khi chờ Chính phủ phê duyệt kế hoạch quy hoạch lại mạng lưới bảo tàng ở Việt Nam sau năm 2020. Hơn nữa, trong tương lai gần, chúng ta cũng cần tính tới việc thành lập một viện nghiên cứu văn hóa biển. Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, “thế yếu” của chúng ta lâu nay.

### **PHẦN II. PHẦN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**

#### **II.1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHU ĐẤT.**

- Nằm trên bán đảo vạn hoa của quận đồ sơn - Hải phòng.
- Khu đất xây dựng rộng 3.9HA nằm ở địa hình gần biển, bên cạnh khu nghỉ dưỡng resort đồ sơn.
  - Giao thông năm trên tuyến đường ven biển của khu nghỉ mát đồ sơn
  - Khí hậu mát mẻ, đón hướng hướng đông bắc thổi từ biển vào,
  - Cảnh quang thiên nhiên đẹp, phía Bắc giáp biển đông, phía Nam giáp khu vực đồi núi, phía Tây giáp bến cảng, phía Đông giáp khu du lịch resort .

#### **II.2. CƠ SỞ KHOA HỌC**

Trong số 138 bảo tàng trong cả nước, hiện không có bảo tàng văn hóa biển. Với chức năng bảo tồn, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể cũng như phi vật thể, bảo tàng văn hóa biển sẽ đem đến cho công chúng, các nhà nghiên cứu những giá trị văn hóa do cộng đồng cư dân biển bao đời nay đã sáng tạo, giữ gìn và phát huy qua những trường kỳ lịch sử. Và đây cũng sẽ là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá văn hóa biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Đà Nẵng, Nha Trang là những thành phố hội tụ đầy đủ các điều kiện để thành lập một bảo tàng như thế. Trước mắt, có thể khởi động từ việc xã hội hóa bảo tàng, tức hình thức bảo tàng tư nhân, trong khi chờ Chính phủ phê duyệt kế hoạch quy hoạch lại mạng lưới bảo tàng ở Việt Nam sau năm 2020. Hơn nữa, trong tương lai gần, chúng ta cũng cần tính tới việc thành lập một viện nghiên cứu văn hóa biển. Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký

ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, “thế yếu” của chúng ta lâu nay.

### **II.3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CÔNG TRÌNH**

#### **II.3.1. CHỨC NĂNG SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH.**

đây cũng sẽ là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá văn hóa biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Đà Nẵng, Nha Trang là những thành phố hội tụ đầy đủ các điều kiện để thành lập một bảo tàng như thế. Trước mắt, có thể khởi động từ việc xã hội hóa bảo tàng, tức hình thức bảo tàng tư nhân, trong khi chờ Chính phủ phê duyệt kế hoạch quy hoạch lại mạng lưới bảo tàng ở Việt Nam sau năm 2020. Hơn nữa, trong tương lai gần, chúng ta cũng cần tính tới việc thành lập một viện nghiên cứu văn hóa biển. Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, “thế yếu” của chúng ta

#### **II.3.2. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH**

Giải pháp kiến trúc:

Với kết cấu đơn giản nhưng không quá đơn điệu, công trình kết hợp bởi vật liệu kính bê tông và lam nhôm chắn nắng

\* Khu đón tiếp:

Khu đón tiếp thực sự là một sự khởi đầu, một sự giới thiệu tổng thể nhất toàn bộ công trình, với diện tích rất rộng và thoáng đong.

\* Khu trưng bày triển lãm

Khu trưng bày khánh tiết sẽ giúp khách tham quan có thể tham quan và biết về lịch sử văn hóa của 3 miền bắc,miền trung miền nam

#### **II.3.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU.**

a/ Đối tượng sử dụng:

\* Người dân và cả nước: Công trình sẽ là điểm văn hóa lành mạnh thu hút nhân trong và ngoài nước vào các dịp lễ hội hay các kỳ nghỉ. Ngoài ra, nhân dân cả nước.

\* Khách du lịch: Khách du lịch quốc tế đang dần biết đến một vùng đất Châu á đang chuyển mình, sự hấp dẫn kỳ diệu của văn hóa Phương Đông nói chung và biển Việt nam nói riêng đang là điều mà nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến. Bên cạnh đó, chính sách du lịch trong các nước khu vực của tổ chức Asean cũng làm tăng thêm lượng khách du lịch đến Việt nam.

b/ Giới hạn nghiên cứu:

-Là đặc trưng về văn hóa lịch sử,du lịch của 3 miền bắc trung nam

#### **II.4. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH**

##### **II.4.1. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ.**

##### **1. Bộ phận đón tiếp và phục vụ khách**

▪ sảnh chính :	80-100 m2
▪ chỗ gửi mũ áo :	15-18 m2
▪ Dịch vụ thông tin (đồ lưu niệm) :	15-18m2
▪ Phòng tiếp khách :	18-24 m2
▪ Phòng phục vụ :	6-9 m2
▪ Phòng hướng dẫn viên và thuyết minh:	18-24 m2
▪ Phòng hội thảo có sử dụng video(50-70 chỗ) :	5-90m2
▪ Phòng kĩ thuật máy chiếu và video :	18-24m2
▪ Phòng đọc và thư mục :	36-45m2

- Kho tư liệu và quầy phục vụ : 15-18m2
  - Khu giải lao và giải khát: 45-60m2
  - Quầy bán và diện tích phụ trợ : 15-18m2
  - Khu vệ sinh cho khách : 30-36
  - Wc (nam,nữ) : 351-444 m2
2. Bộ phận trưng bày:
- không gian khánh tiết : 150-200m2
  - Diện tích trưng bày cố định : 1000-1200m2
  - Bao gồm nội dung:
    - Giới thiệu điều kiện tự nhiên,vị trí địa lý hành chính.
    - Giới thiệu ,nền văn hóa,xã hội ( cộng đồng dân tộc,ngôn ngữ,trang phục,phong tục tập quán...)
    - Giới thiệu lịch sử đấu tranh cách mạng qua các thời kì và quá trình xây dựng đất nước phát triển kinh tế,văn hóa,xã hội
  - Diện tích trưng bày định kỳ: 120-150m2
  - Giới thiệu theo chuyên đề ,có thể là một thành tựu mới của địa phương ở các lĩnh vực văn hóa,nghệ thuật,khoa học kỹ thuật..vv.
  - Các diện tích đệm (chuyên tiếp và nghỉ chân) : 45-60m2
  - Diện tích trưng bày ngoài trời khoảng : 2000m2
3. Bộ phận nghiệp vụ và hành chính quản trị :
- Sảnh : 15-18m2
  - Tiếp nhận và phân loại vật phẩm : 15-18m2
  - Các phòng sửa chữa và phục chế hiện vật ( 3-4 phòng ) : 18-24m2/phòng
  - kho bảo quản hiện vật(gồm 2-3 loại kho ,tùy theo tính chất và quy mô vật phẩm mà bố trí diện tích các kho) : 120-150m2
  - Phòng kỹ thuật bảo quản vật phẩm : 15-18m2
  - phòng kỹ thuật điện nước : 15-18m2
  - Phòng lắp đặt hệ thống điều hòa trung tâm: 18-24m2
  - Các phòng làm việc và nghiệp vụ của bảo tàng(6 phòng) : 15-18m2
  - Kho vật tư và dụng cụ:
  - Khu vệ sinh và thay đồ nhân viên (nam,nữ): 15-18m2/khu
  - Gar axe nội bộ(1-2 ô tô và xe nhân viên): 70-75m2
  - Tổng 474-573m2

### **PHẦN III: KẾT LUẬN**

Đây cũng sẽ là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá văn hóa biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Đà Nẵng, Nha Trang là những thành phố hội tụ đầy đủ các điều kiện để thành lập một bảo tàng như thế. Trước mắt, có thể khởi động từ việc xã hội hóa bảo tàng, tức hình thức bảo tàng tư nhân, trong khi chờ Chính phủ phê duyệt kế hoạch quy hoạch lại mạng lưới bảo tàng ở Việt Nam sau năm 2020. Hơn nữa, trong tương lai gần, chúng ta cũng cần tính tới việc thành lập một viện nghiên cứu văn hóa biển. Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, “thế yếu” của chúng ta lâu nay.